| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 227/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2023
*"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm
***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ,tỉnh Hải Dương.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ L số 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2023/QĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi ĐKHKTT: Thôn Cầu X, xã Quang T, huyện Tứ K tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Tứ H, xã Quang T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1977; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Cầu X, xã Quang T, huyện Tứ K tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản

( Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh L)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Đình Ltự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ ngày 29/01/2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống cùng với bố mẹ chồng tại xã Phượng Kỳ được một thời gian, anh chị mua nhà đất ở xã Quang Trung và sinh sống tại đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra bất hòa cãi cọ nhau, không quan tâm đến nhau.Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Nguyễn H T, sinh ngày 29/3/2005 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2013. Hiện nay cháu Trang đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Hằng đang ở với chị, chị đề nghị nuôi cháu Hằng, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Nguyễn Đình Lai là bố đẻ anh L xác định: Anh L và chị H kết hôn tự nguyện, trong quá trình sống chung, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng làm ăn thua lỗ, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, nợ nần nhiều anh chị phải bán nhà đất để trả nợ. Năm 2018 anh L về nhà ông sinh sống, chị H cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian anh L ở nhà ông anh L đi làm nay chỗ này, mai chỗ khác, địa chỉ cụ thể ông không biết và ông xác định anh L có thời gian đi Nhật nhưng đã xuất cảnh về Việt Nam còn sau đó anh L có đi nữa hay không ông không biết nhưng thỉnh thoảng anh L vẫn liên lạc về cho gia đình, gia đình chỉ biết vậy chứ không biết địa chỉ cụ thể. Mọi thông tin về việc chị H khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, gia đình đã thông báo cho anh L. Sau khi được gia đình thông báo, anh L không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên qua liên lạc điện thoại với gia đình, anh L có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con theo nguyện vọng của chị H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn H T, sinh ngày 29/3/2005 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2013. Hiện nay các con đang ở với chị H, do anh L không có mặt tại gia đình nên ông đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị H nuôi cả hai.

Về tài sản chung: Gia đình anh L xác định anh chị không có.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Quang Trung thể hiện: Chị H và anh L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Kỳ vào ngày 29/01/2004, sau khi kết hôn được một thời gian, anh chị mua đất làm nhà và chuyển đến sinh sống tại xã Quang Trung. Năm 2018 do anh chị làm ăn thua lỗ, đã bán nhà đất đi trả nợ, chị H và hai con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Tứ Hạ, Quang Trung còn anh L đi làm ăn ở đâu đó địa phương không nắm được, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 51, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh L. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2013, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H.Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn anh Nguyễn Đình Lđều có hộ khẩu thường trú tại Thôn Cầu X, xã Quang T, huyện Tứ K tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, theo văn bản trả lời của Cục quản L xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Nguyễn Đình Lđã xuất cảnh ngày 11/12/2018, chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ L, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị gia đình anh L cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh L thì được biết, anh L đi làm ở Nhật nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Ông Nguyễn Đình Lai là bố đẻ anh L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh L biết. Tòa án cũng đã tiến hành giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh L vẫn vắng mặt, chị H đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ ngày 29/01/2004 nên hôn của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt cũng như trong làm ăn kinh tế gia đình, thường xẩy ra bất hòa cãi nhau, anh chị đã sống ly thân, anh L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi làm ăn xa. Thông qua gia đình, anh L cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con theo nguyện vọng của chị H. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh L đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có hai con chung là Nguyễn H T, sinh ngày 29/3/2005 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2013. Hiện nay các con đang ở với chị H, cháu Trang đã trưởng thành chị không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh L đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, nguyện vọng xin được nuôi con của chị H là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Tài sản chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Đình L

*2. Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Đình Lcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*3. Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0003280 ngày 16/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

*4. Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Đình Lcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Phượng Kỳ, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GĐ&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đàm Nhân Trác**